

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 114 /2019/HSST

Ngày 26/7/ 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Chu Thị Hồng Nhật.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Mạnh Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2019/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 116/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Bùi Văn T - sinh năm 1986 tại Thái Bình (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Bùi Đình C (đã chết). Mẹ đẻ: Phạm Thị R. Vợ : Lê Thị T; Có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân : Bản án số 73/2015/HSST ngày 14/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “ Đánh bạc” chấp hành xong bản án ngày 25/12/2015.

Quyết định xử phạt hành chính số 270 ngày 10/8/2011 của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đối với Bùi Văn T về hành vi “trộm cắp tài sản” hình phạt tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giam theo quyết định khởi tố bị can về tội “trộm cắp tài sản” của công an huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình.

Những người bị hại:

Chị Vũ Thị M – sinh năm 1980(Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T – sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 27/12/2018 bị cáo (Bùi Văn T) đi bộ qua cổng nhà chị Vũ Thị M – sinh năm 1980 tại thôn A, xã Đ, thành phố T phát hiện thấy cổng nhà chị M không khóa bên trong sân có chiếc xe máy Hon Da Lead màu vàng – xanh biển số 17B9 – 136.63 còn chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy. Thấy không có người trông coi nên bị cáo đã vào sân dắt chiếc xe máy ra ngoài cổng nổ máy chạy về nhà cất giấu. Về đến nhà bị cáo kiểm tra chiếc xe thấy trong cốp xe có 01 túi xách giả da bên trong có một chiếc ví giả da màu nâu chứa 01 giấy CMND; 01 thẻ Đảng viên; 01 thẻ ngân hàng; 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe đều mang tên chị M (chiếc túi xách giả da và chiếc ví giả da không còn giá trị sử dụng). Ngày 28/12/2018 bị cáo mang xe và đăng ký đến nhà anh T nói là xe của chị dâu muốn bán và bán lại cho anh T với giá 18 triệu đồng, anh T trả trước 7 triệu đồng còn lại sẽ trả sau khi làm xong giấy tờ sang tên đổi chủ. Bị cáo giao xe và giấy đăng ký và nhận 7 triệu đồng mang đi tiêu dùng cá nhân. Ngày 30/01/2019 công an huyện Đông Hưng khám xét nơi ở của bị cáo trong vụ án khác phát hiện thu giữ được toàn bộ vật chứng gồm: 01 túi xách giả da bên trong có một chiếc ví giả da màu nâu chứa 01 giấy CMND; 01 thẻ Đảng viên; 01 thẻ ngân hàng; 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe đều mang tên chị M. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung hành vi trộm cắp chiếc xe.

Ngày 06/3/2019 chị M trình báo toàn bộ nội dung vụ việc mất xe đến cơ quan công an thành phố Thái Bình đề nghị điều tra xử lý.

Ngày 02/02/2019 anh T tự nguyện giao nộp cho công an chiếc xe máy và đăng ký chiếc xe Hon da Lead biển số 17B9 – 136.63 mang tên chị Vũ Thị M.

Tại bản kết luận định giá số 07/KL- ĐG ngày 12/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: “Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD màu vàng - xanh biển kiểm soát 17B9 - 136.63 trị giá là 21.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số 122/CT-VKSTP ngày 31/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị can Bùi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Buộc bị cáo phải trả lại cho anh T số tiền 7 triệu đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong đúng quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên đúng quy định pháp luật, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều khai nhận: Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 27/12/2018, bị cáo Bùi Văn T đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe máy Hon Da Lead, biển số 17B9 – 136.63 tại sân nhà chị Vũ Thị M thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình đem đi bán cho anh Trần Văn T lấy 7.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân hết.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại chị Vũ Thị M và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, biên bản khám xét nơi ở của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có cơ sở xác định một mình bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe máy trị giá 21.500.000 đồng của chị M. Hành vi của bị cáo phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[2.2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý xâm phạm tài sản của người khác, tài sản trộm cắp trị giá 21.500.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ, gây mất trật tự, trị an xã hội, làm hoang mang trong dân chúng. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo để nhằm răn đe giáo dục chung.

[3.1] Xét tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Xét điều kiện của bị cáo kinh tế khó khăn nên không phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[3.3] Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, xét xử về tội đánh bạc và phải chịu hình phạt nhưng không chịu cải tạo bản thân vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận được toàn bộ tài sản nay không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Buộc bị cáo phải trả lại cho anh T số tiền 7 triệu đồng.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Từ những nhận xét trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1, điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015. Điều 136 ; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 01 năm 06 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 7 triệu đồng. Đối với bị hại không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với người có mặt kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2019. Đối với những người vắng mặt kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- *Trạm giam công an tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *Công an thành phố Thái Bình;*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mạnh**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Văn Mạnh**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**  
TỈNH THỜI BÌNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THỜI BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mạnh.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đức Toàn và bà Lê Thị Sinh Chi.

Căn cứ vào các điều 199 và 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại phòng nghị án xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 46/2019/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Chương**, sinh năm 1993 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Khúc Mai, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Nguyễn Văn Hưng. Mẹ đẻ: Đỗ Thị Xuyên. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 377/2015HSST ngày 14/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Văn Chương xử phạt 01 năm tù về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2018 đến ngày 09/01/2019 chuyển tạm giam có mặt tại phiên tòa.

**Những người bị hại:**

- Anh Bùi Thế Anh - Sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Tổng Thỏ Nam, xã Đông Mỹ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Đình Hiệp - Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 1, điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Điều 106; điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(Biểu quyết 3/3)

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Chương phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

(Biểu quyết 3/3)

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Chương 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2018. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

(Biểu quyết 3/3)

4. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đen đã cũ; 01 đôi dép nhựa tổ ong đã cũ; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Chương.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án thành phố Thái Bình).

(Biểu quyết 3/3)

5. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

(Biểu quyết 3/3)

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Chương phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

(Biểu quyết 3/3)

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/4/2019. Đối với những người vắng mặt kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

(Biểu quyết 3/3)

Biên bản kết thúc thông qua mọi người nhất trí ký tên.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Văn Mạnh**

